TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** ***Độc Lập – Tụ do – Hạnh phúc***

Bản án số: 06/2018/HSST
Ngày 06 tháng 02 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thái.

Ông Đinh Duy Quyết.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G¸ tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST, ngày 12/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/HSST-QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đinh Quang C, tên gọi khác: Không, sinh năm 1993 tại G, G, N.

Nơi cư trú: xóm 12, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con Đinh Quang C và bà Đinh Thị N ; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Lịch sử bản thân:

- Ngày 28/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong bản án ngày 29/3/2017.

- Ngày 29/11/2010, Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 500.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích". Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 15/12/2010.

- Ngày 29/11/2010, Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 500.000 đồng về hành vi "Báo thông tin giả đến cơ qua Nhà nước". Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 19/10/2012.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 04/10/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Dương Đức B, sinh năm 1996; trú tại: đường 477, xã G, huyện G, tỉnh N- Có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Như M, sinh năm 1978; trú tại: số nhà 500, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh N- Có mặt tại phiên tòa;

2. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971; trú tại: phố M, phường N, thành phố N, tỉnh N- Có mặt tại phiên tòa;

3. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; trú tại: xóm 9, xã G, huyện G, tỉnh N- Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Quang C và Bùi Văn Q, sinh năm 1996 tại thôn Đ, xã G, huyện G là bạn bè quen biết với nhau từ trước. Khoảng 14 giờ, ngày 22/8/2016, Bùi Văn Q đang đứng trước cửa quán Internet Xmen ở đường 477, xã G thì gặp C đi bộ đến, Q nói với C "Đang hẹn đánh nhau với mấy thằng G", C nói "Bị thằng nào đánh ở đâu", Q trả lời "Không biết, chỉ biết hẹn ở quán nét 68 ở thị trấn M". C nói với Q "Có xe máy không chở anh về", Q trả lời "Không có". C nói với Q "Vào trong quán hỏi xem". Q đi vào trong quán Internet Xmen thì gặp Dương Đức B, sinh năm 1996 trú tại thôn đường 477, xã G là bạn của Q. Q hỏi anh B "Mày có con xe Wave trắng à", ý hỏi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 35N1- 151.12 mầu trắng đang dựng trước cửa quán Internet, anh B nói "Vâng", Q nói "Vậy đi ra cửa có người gặp". Anh B đi ra cửa thì gặp C, C nói "Mày chở anh đi xuống Me có tý việc", anh B đồng ý. Anh B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 chở C theo đường 477 đi xuống thị trấn M. Khi đến cổng trường THPT G A thì C nói "Quay lại đón thằng vừa nẫy mượn xe mày". Anh B điều khiển xe mô tô quay lại quán Internet Xmen đón Q. Anh B tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Q và C đi xuống thị trấn M. Khi đi đến quán Internet 68, thị trấn M, huyện G thì Q và C xuống xe, Q đi vào quán Internet 68 tìm người tên Trần Quang Q (ở xã G). Lúc này chỉ còn C và anh B ở ngoài, C nói với anh B "Mày cho anh mượn xe đi mua gói thuốc". Anh B đưa chìa khóa xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 cho C (Bên trong cốp xe có giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm, chứng minh nhân dân mang tên Dương Đức B). Sau khi Q vào quán Internet 68 tìm anh Trần Quang Q nhưng không thấy, Q quay ra thì thấy anh B đang đứng một mình nên nói "Xe của mày đâu", anh B trả lời "Tao vừa cho C mượn", anh B và Q chờ đến 16 giờ cùng ngày không thấy C trả xe nên quay về. C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 và không trả lại xe mô tô trên cho anh B. Ngày 01/9/2016, C nẩy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 nên C mang xe mô tô của anh B bán cho anh Nguyễn Như M, sinh năm 1978, trú tại số nhà 500, phố K, phường N, thành phố N (là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy) với giá 14.500.000 đồng. Sau khi mua xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12, ngày 04/9/2016, anh M đã bán xe mô tô trên cho anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971, trú tại phố M, phường N, thành phố N với giá 15.500.000 đồng, anh H đưa thêm cho anh M 1.500.000 đồng để anh M làm thủ tục sang tên đổi chủ cho mình. Anh M đưa cho Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981, trú tại xóm 9, xã G, huyện G số tiền 1.500.000 đồng để nhờ anh T làm thủ tục sang tên đổi

chủ. Qúa trình làm thủ tục sang tên đổi chủ, anh T chi phí hết 250.000 đồng, còn lại 1.250.000 đồng anh T chiếm hưởng. Qúa trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ được xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 của anh Nguyễn Trọng H. Ngày 15/9/2017, anh Dương Đức B đã gửi đơn đến Công an huyện G đề nghị giải quyết.

Qúa trình điều tra vụ án, Đinh Quang Cg đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT- VKS, ngày 09/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Đinh Quang C ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***" theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Quang C phạm tội "***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***". Áp dụng Điều 140 khoản 1; Điều 46 khoản 1 điểm p Bộ luật Hình sự (BLHS)năm 1999. Xử phạt bị cáo Đinh Quang C từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2017. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự (BLDS): Buộc Đinh Quang C phải bồi thường theo thỏa thuận tiền sửa xe, hao mòn xe cho anh Dương Đức B là 5.000.000 đồng; Bồi thường theo thỏa thuận cho anh Nguyễn Như M số tiền đã mua xe mô tô là 14.500.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Như M phải bồi thường theo thỏa thuận cho anh Nguyễn Trọng H số tiền là 15.500.000 đồng. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 76 BLTTHS trả lại cho anh Nguyễn Trọng H số tiền 1.250.000 đồng hiện đang gửi tại tài khoản của Chi cục Thi hành án huyện G.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng, thừa nhận việc thực hiện hành vi phạm tội chỉ do một mình bị cáo thực hiện, không có sự tham gia của anh Bùi Văn Q. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường theo thỏa thuận cho cho anh Dương Đức B là 5.000.000 đồng; bồi thường theo thỏa thuận cho anh Nguyễn Như M số tiền đã mua xe mô tô là 14.500.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Dương Đức B không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng. Về trách nhiệm dân sự anh B đồng ý số tiền bị cáo bồi thường theo thỏa thuận cho anh là 5.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do làm mất các loại giấy tờ là giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 và chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Đức B.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Như M không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng. Về trách nhiệm dân sự, anh M đồng ý số tiền bị cáo bồi thường theo thỏa thuận cho anh là 14.500.000 đồng. Anh M đồng ý bồi thường theo thỏa thuận cho anh Nguyễn Trọng H số tiền là 15.500.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Trọng H không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng. Về trách nhiệm dân sự, anh H đồng ý số tiền M bồi thường theo thỏa thuận cho anh là 15.500.000 đồng. Anh H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho anh số tiền 1.250.000 đồng mà cơ quan điều tra thu giữ của anh

Nguyễn Thanh T vì anh H cho rằng khi anh H mua xe mô tô của anh M, anh đã đưa thêm cho anh M 1.500.000 đồng để anh M làm thủ tục sang tên đổi chủ cho mình. Anh M đưa cho Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981, trú tại xóm 9, xã G, huyện G số tiền 1.500.000 đồng để nhờ anh T làm thủ tục sang tên đổi chủ. Anh H không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Như M phải liên đới bồi thường số tiền 250.000 đồng còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

Về tố tụng: - Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện G đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản; ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định khởi tố bị can; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; quyết định phân công Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra tiến hành khởi tố, điều tra vụ án hình sự; quyết định phân công điều tra viên, cán bộ điều tra tiến hành điều tra vụ án hình sự; ra lệnh bắt bị can để tạm giam; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam; ra lệnh nhập kho vật chứng, phiếu nhập kho vật chứng; lập biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, ra quyết định xử lý vật chứng; lập biên bản trả lại đồ vật, tài liệu; khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng khác đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can, giải thích quyền và nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng khác; ra bản kết luận điều tra; tiến hành lập biên bản bàn giao các văn bản tố tụng cho bị can, người tham gia tố tụng khác, bàn giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện G đều đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; ra quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam bị can; tiến hành giao Cáo trạng cho bị can theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tại phiên tòa, người bị hại là anh Dương Đức B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh Nguyễn Như M, Nguyễn Trọng H có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T, những người làm chứng Bùi Văn Q Trần Quang Q, Phạm Văn N, Phạm Văn D, Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T và những người làm chứng vì đã có đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người này không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T và những người làm chứng.

Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Do quan hệ bạn bè từ trước với Bùi Văn Q, sinh năm 1996 tại thôn Đ, xã G nên ngày 22/8/2017 bị cáo cùng Bùi Văn Q đã nhờ anh Dương Đức B, sinh năm 1996, trú tại đường 477, xã G, huyện G dùng xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 của mình chở bị cáo và Q xuống quan Internet 68 tại thị trấn M, huyện G. Khi đến nơi, Q vào trong quán Internet 68 tìm người tên Trần Quang Q (ở xã G), còn bị cáo và anh B đứng ở ngoài đợi, lúc này bị cáo nói với anh B "*Mày cho anh mượn xe đi mua gói thuốc*". Anh B đưa chìa khóa xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 cho bị cáo (Bên trong cốp xe có giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm, chứng minh nhân dân mang tên Dương Đức B). Sau khi Q vào quán Internet 68 tìm anh Trần Quang Q nhưng không thấy quay ra thì được anh B cho biết việc cho C mượn xe, anh B và Q chờ đến 16 giờ cùng ngày không thấy bị cáo trả xe nên quay về. Bị cáo sau khi mượn được xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 nhưng đã không trả lại xe mô tô trên cho anh B và đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12. Thực hiện ý định đó ngày 01/9/2016, bị cáo mang xe mô tô của anh B bán cho anh Nguyễn Như M, sinh năm 1978, trú tại số nhà 500, phố K, phường N, thành phố N (là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy) với giá 14.500.000 đồng chi tiêu cá nhân. Ngày 04/9/2016, anh M đã bán xe mô tô trên cho anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971, trú tại phố M, phường N, thành phố N với giá 15.500.000 đồng, anh H đưa thêm cho anh M 1.500.000 đồng để anh M làm thủ tục sang tên đổi chủ cho mình. Anh M đưa cho Nguyễn Thanh T sinh năm 1981, trú tại xóm 9, xã G, huyện G số tiền 1.500.000 đồng để nhờ anh T làm thủ tục sang tên đổi chủ. Qúa trình làm thủ tục sang tên đổi chủ, anh T chi phí hết 250.000 đồng, còn lại 1.250.000 đồng anh T đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Rõ ràng bị cáo đã có hành vi dựa vào mối quan hệ quen biết giữa Bùi Văn Q và anh Dương Đức B để mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 của anh Dương Đức B nhưng sau đó không trả lại xe cho chủ sở hữu mà đã chiếm đoạt chiếc xe đó thông qua việc bán cho người khác lấy tiền chiếm hưởng chi tiêu cá nhân. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12có giá trị theo bản kết luận định giá tài sản số 31, ngày 04/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G là 14.000.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính để tiêu sài cá nhân dẫn đến phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", tuy lần phạm tội đó là lần phạm tội sau và được phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử trước, nhưng điều

đó cũng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó cần phải phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh bằng cách, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, biết chấp hành kỷ cương, pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy đây là lần phạm tội đầu tiên của bị cáo theo trình tự thời gian và được được phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử sau lần ngày 28/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", là lần bị cáo phạm tội sau nhưng được phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử trước là căn cứ để xác định bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

- Về hình phạt bổ xung:

Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ xung là hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Do tại phiên tòa bị cáo Đinh Quang C đã thỏa thuận bị cáo phải bồi thường tiền sửa xe và hao mòn xe mô tô cho anh Dương Đức B là 5.000.000 đồng, đã thỏa thuận bị cáo phải bồi thường tiền bán xe mô tô cho anh Nguyễn Như M là 14.500.000 đồng, những thỏa thuận này là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận. Tại phiên tòa anh Nguyễn Như M và anh Nguyễn Trọng H đã thỏa thuận anh M phải bồi thường cho anh H số tiền là 15.500.000 đồng, thỏa thuận này là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận. Đối với việc anh H không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Như M phải liên đới bồi thường số tiền 250.000 đồng còn thiếu là thể hiện thiện chí của anh H, nên phần trách nhiệm dân sự này không đặt ra giải quyết.

Đối với giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 và chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Đức B, quá trình sử dụng Đinh Quang C đã làm mất, tại phiên tòa anh B cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường đối với các loại giấy tờ này nên Tòa không xét.

- Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.250.000 đồng anh Nguyễn Thanh T đã giao nộp cho cơ quan Điều tra Công an huyện G, nguồn gốc số tiền này là một phần của số tiền khi anh H mua xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 của anh M, anh H đã đưa thêm cho anh M. 1.500.000 đồng để anh M làm thủ tục sang tên đổi chủ cho mình. Việc mua bán xe mô tô này, anh H không có lỗi nên cần trả lại cho anh Nguyễn Trọng H số tiền 1.250.000 đồng.

Đối với giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 mang tên Dương Đức B. Quá trình làm thủ tục sang tên đổi chủ anh T đã nộp cho phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N. Đối với giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 và chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Đức B, quá trình sử dụng Đinh Quang C đã làm mất, không xác định được ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm nên không có căn cứ xử lý trong vụ án. Đối với đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trọng H quá trình sử dụng anh H đã làm mất đăng ký xe, không xác định được ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm nên không có căn cứ xử lý trong vụ án. Đối với Bùi Văn Q, bị cáo khai là người cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt

xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 của anh Dương Đức B. Tuy nhiên quá trình điều tra Q không thừa nhận, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận việc thực hiện hành vi phạm tội chỉ do một mình bị cáo thực hiện, không có sự tham gia của anh Bùi Văn Q, ngoài ra không còn chứng cứ nào chứng minh có sự tham gia của anh Bùi Văn Q vào việc phạm tội của bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý về trách nhiệm hình sự đối với Bùi Văn Q trong vụ án này. Đối với anh Nguyễn Như M là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa xe mô tô, khi mua xe mô tô 35N1- 151.12, anh M không biết xe mô tô trên là do C phạm tội mà có và đã đã làm thủ tục sang tên, đổi chủ xe mô tô trên cho anh H nên anh M không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với anh Nguyễn Trọng H khi mua xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12 của anh M, anh H không biết nguồn gốc xe mô tô trên là do phạm tội mà có nên anh H không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với anh Nguyễn Thanh T là người được anh M nhờ làm thủ tục sang tên đổi chủ xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 151.12. Qúa trình làm thủ tục sang tên đổi chủ từ chủ xe Dương Đức B sang tên Nguyễn Trọng H. Anh T đã tự viết giấy tờ mua bán xe rồi đến Ủy ban nhân dân xã G để xác nhận. Tuy nhiên hành vi giải mạo giấy tờ mua bán xe của anh T chưa đủ yếu tố cấu thành tội quy định tại Điều 267 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện G nhận được đơn trình báo của anh Đinh Thành L, sinh năm 1995, trú tại xóm 9, xã G, huyện G về việc: cuối tháng 8/2016, Đinh Quang C có mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 35N1- 106.20 cùng chứng minh nhân dân và giấy tờ đăng ký xe mô tô của anh L, sau đó bỏ trốn rồi chiếm đoạt. Tuy nhiên Đinh Quang C không thừa nhận hành vi trên mà khai nhận anh L đã nhờ C cầm cố hộ xe mô tô trên cho một thanh niên không rõ lai lịch ở quán nước trước cổng trường Đại học Hoa Lư thuộc thôn K, xã N, thành phố N. Ngoài lời khai của anh L thì không có tài liệu, căn cứ khác để chứng minh, làm rõ nên chưa đủ căn cứ xử lý Đinh Quang C về hành vi nêu trên. Vì vậy cơ quan điều tra Công an huyện G đã tách phần tài liệu có liên quan để tiếp tục xác minh làm rõ.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự so thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Như M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tiền bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H vượt quá mức tiền mà bị cáo phải bồi thường cho anh M.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Tuyên bố***: Bị cáo Đinh Quang C phạm tội "***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***". Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đinh Quang C 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 BLHS năm 1999, các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Đinh Quang C phải bồi thường theo thỏa thuận tiền sửa xe và các chi phí khác cho anh Dương Đức B số tiền là 5.000.000 đồng; Bồi thường theo thỏa thuận cho anh Nguyễn Như M số tiền là 14.500.000 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Như M phải bồi thường theo thỏa thuận cho anh Nguyễn Trọng H số tiền là 15.500.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003: Trả lại cho anh Nguyễn Trọng H số tiền là 1.250.000 đồng hiện đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đinh Quang C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 975.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Như M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *Toà án nhân dân tỉnh N;*
- *CQĐT Công an huyện G;*
- *Thi hành án dân sự H. G;*
- *VKSND huyện G;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại ;*
- *Người có quyền lợi liên quan*
- *Lưu HS, VP.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc